UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 11 /TCBC-STP

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 11 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong tháng 10 năm 2026

Thực hiện quy định tại điểm c Mục 3 Phần IV Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân", Sở Tư pháp thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành trong tháng 10 năm 2026, cụ thể như sau:

I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND, UBND TỈNH

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh

- Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định nội dung, mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2031.

- Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định việc hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quyết định tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

- Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh chi tiết theo dự án thành phần, danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định về mức hỗ trợ đối với người dân phải sơ tán khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 bãi bỏ Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; xử lý đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định của UBND tỉnh

- Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 112/2026/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 sửa đổi Điều 9 của Quy chế về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; nâng lương vượt một bậc do được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 028/2025/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 113/2026/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 ban hành Quy chế thiết lập, quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND ngày 08/10/2026 ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 ban hành Định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 116/2026/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 117/2026/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 ban hành Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030.

- Quyết định số 118/2026/QĐ-UBND ngày 12/10/2026 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà văn hóa cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 119/2026/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 bãi bỏ Quyết định số 008/2025/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 120/2026/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 bãi bỏ Quyết định số 010/2025/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 121/2026/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 bãi bỏ Quyết định số 003/2025/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 122/2026/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 quy định trình tự chi tiết hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư trong tình huống khẩn cấp về thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 123/2026/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 quy định về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 124/2026/QĐ-UBND ngày 20/10/2026 ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác và trường hợp phải cắm mốc

chỉ giới, khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND ngày 20/10/2026 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 126/2026/QĐ-UBND ngày 21/10/2026 ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý, lưu trữ, khai thác và chia sẻ văn bản điện tử thông qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND ngày 22/10/2026 quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 128/2026/QĐ-UBND ngày 23/10/2026 ban hành Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 ban hành Quy chế phối hợp thu thập, kết nối, chia sẻ, xử lý và phân tích dữ liệu thông qua Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 27/10/2026 quy định số lượng Đội dân phòng và số lượng thành viên Đội dân phòng tại thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 132/2026/QĐ-UBND ngày 27/10/2026 phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng hợp đồng ký kết trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 133/2026/QĐ-UBND ngày 28/10/2026 ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 134/2026/QĐ-UBND ngày 29/10/2026 quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND ngày 30/10/2026 quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 136/2026/QĐ-UBND ngày 31/10/2026 ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh

1.1. Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định nội dung, mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng

tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định nội dung, mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk, bao gồm: cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước; các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước; các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

- Quy định nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; nội dung và mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

- Điều khoản chuyển tiếp: đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026, bãi bỏ Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Mức chi quy định tại Nghị quyết này làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước.

Căn cứ nội dung, tính chất, quy mô, yêu cầu và khối lượng công việc của từng nhiệm vụ, chương trình, hoạt động; khả năng cân đối ngân sách nhà nước và dự toán kinh phí được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chương trình, hoạt động quyết định mức chi cụ thể cho từng nội dung quy định tại Nghị quyết này và phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước.

- Nguồn kinh phí thực hiện là nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc ngân sách địa phương, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

- Quy định cụ thể từng nội dung và mức chi cụ thể quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Các nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

- Điều khoản chuyển tiếp: các nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn có liên quan tại thời điểm cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3. Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là Chương trình).

- Đối tượng áp dụng: các xã, phường trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình; các cơ quan tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương: Trong giai đoạn 2026 - 2030, hằng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 20% tổng số vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh và quy định của cấp có thẩm quyền. Trường hợp tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương của tỉnh Đắk Lắk thay đổi, dẫn đến thay đổi nhóm áp dụng tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg hoặc văn bản thay thế, UBND tỉnh có trách nhiệm rà soát trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định.

- Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường:

+ Theo loại đơn vị hành chính: xã đặc biệt khó khăn, hệ số 6,0; xã còn lại, hệ số 4,0; phường, hệ số 2,0;

+ Theo quy mô dân số: dưới 20.000 người, hệ số 0,4; từ 20.000 người đến dưới 30.000 người, hệ số 0,8; từ 30.000 người đến dưới 50.000 người, hệ số 1,2; từ 50.000 người trở lên, hệ số 2,2;

+ Theo diện tích tự nhiên: dưới 100 km², hệ số 0,3; từ 100 km² đến dưới 200 km², hệ số 0,6; từ 200 km² đến dưới 400 km², hệ số 1,2; từ 400 km² trở lên, hệ số 2,6;

+ Theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh: có di tích quốc gia đặc biệt, hệ số 4,75; có di tích quốc gia, hệ số 1,4.

- Định mức phân bổ vốn:

+ Tổng vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình được phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí, hệ số và định mức quy định tại Nghị quyết này; trong đó, tối

thiểu 70% tổng số vốn phân bổ cho cấp xã và tối đa 30% cho các nhiệm vụ do cấp tỉnh thực hiện;

+ Đối với vốn đầu tư phát triển: Ưu tiên bố trí vốn để tập trung đầu tư các dự án, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng, có sức lan tỏa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh; ưu tiên tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, buôn, tổ dân phố); điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em.

1.4. Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2031

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị của tỉnh) giai đoạn 2026 - 2031; Chính sách hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực trong các cơ quan, đơn vị của tỉnh giai đoạn 2026 - 2031. Nghị quyết này không áp dụng đối với các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng thu hút: cá nhân được thu hút là người có trình độ đại học trở lên thuộc các ngành, lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên thu hút quy định tại Điều 4 Nghị quyết này và thuộc một trong các đối tượng sau:

+ Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

+ Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

+ Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam hoặc là người nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP;

+ Nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

+ Chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đối tượng hỗ trợ đào tạo:

+ Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học thuộc các ngành, lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên thu hút quy định tại Điều 4 Nghị quyết này (trừ lĩnh vực giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp);

+ Viên chức là giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trường chính trị của tỉnh được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

+ Đối với các cơ quan, đơn vị không tuyển dụng hoặc tiếp nhận được người đảm nhận vị trí việc làm về công nghệ thông tin thực hiện hỗ trợ để công chức, viên chức đi đào tạo trình độ cử nhân văn bằng hai các ngành, chuyên ngành liên quan đến công nghệ thông tin.

- Các ngành, lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên thu hút: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp chế biến, chế tạo; kinh tế rừng, kinh tế biển; năng lượng tái tạo; logistics và quản lý chuỗi cung ứng; du lịch sinh thái, văn hóa, bản sắc; phát triển hạ tầng đô thị; xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật; giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; tài chính, đầu tư; các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các lĩnh vực khác phù hợp với tình hình thực tiễn kinh tế - xã hội và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng tâm do UBND tỉnh đề xuất, trình HĐND tỉnh quyết định bổ sung danh mục theo thẩm quyền.

- Mức hỗ trợ: Cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 2 và Điều 9 Nghị quyết này được hưởng mức hỗ trợ theo trình độ, học hàm, học vị như sau:

+ Người được cấp bằng đại học: 100 triệu đồng;

+ Người được cấp bằng thạc sĩ: 200 triệu đồng;

+ Người được cấp bằng tiến sĩ: 300 triệu đồng;

+ Người được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư: 500 triệu đồng;

+ Người được bổ nhiệm chức danh giáo sư: 700 triệu đồng.

- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị của tỉnh được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của cơ sở đào tạo kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, nếu thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này và đáp ứng các

tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị quyết này thì được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo tại Nghị quyết này.

1.5. Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định việc hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định việc hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk chưa có thẻ bảo hiểm y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Mức hỗ trợ bằng 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định.

- Nguồn kinh phí thực hiện: kinh phí thực hiện do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

1.6. Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Chương trình).

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành ở tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

- Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu của Chương trình; kết quả thực hiện nhiệm vụ và giải ngân kinh phí năm trước liền kề của từng cơ quan, đơn vị.

- Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã, phường:

+ Kết quả rà soát, đánh giá phê duyệt hằng năm về tuyến, địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy theo Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg ban hành tiêu chí xác định tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy được sử dụng để xác định hệ số phân bổ cho các địa phương theo nguyên

tắc sử dụng kết quả rà soát đánh giá của năm liền kề trước năm ngân sách làm căn cứ để xác định hệ số phân bổ cho năm ngân sách;

+ Việc xác định xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk của cấp có thẩm quyền được sử dụng làm căn cứ xác định hệ số tăng thêm;

+ Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho xã, phường

Hệ số gốc:

Xã, phường không ma túy: hệ số 1,0;

Xã, phường trọng điểm, phức tạp về ma túy loại III: hệ số 1,5;

Xã, phường trọng điểm phức tạp về ma túy loại II: hệ số 2,0;

Xã, phường trọng điểm phức tạp về ma túy loại I: hệ số 3,0.

Hệ số tăng thêm: Xã biên giới, xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi áp dụng hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần.

1.7. Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quyết định tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026, bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định các nội dung sau đây: tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm: nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh, quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, đơn vị theo chức năng hoặc được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Tổng mức chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật như sau:

+ Tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh: 125.000.000 đồng/văn bản;

+ Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của UBND tỉnh: 50.000.000 đồng/văn bản;

+ Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: 20.000.000 đồng/văn bản;

+ HĐND cấp xã căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tình hình thực tế quyết định tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết của HĐND cấp xã và quyết định của UBND cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

- Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động:

+ Đối với xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh: Thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này;

+ Đối với xây dựng quyết định của UBND tỉnh, quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

- Các nội dung khác liên quan đến tổng mức chi, danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Trường hợp nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện từ ngày 01/01/2026 mà chưa thanh toán thì được chi trả, thanh, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này. Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, các cơ quan, đơn vị bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

1.8. Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026, bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban

hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025.

b) Nội dung chủ yếu: quy định nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh, bao gồm vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành và các đơn vị thuộc tỉnh; các xã, phường và các đơn vị khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

- Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030: vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công, phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công, Điều 4 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP.

- Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

+ Dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp;

+ Các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;

+ Hoàn trả vốn ứng trước;

+ Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

+ Các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài bao gồm cả vốn đối ứng;

+ Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền;

+ Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

+ Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố

trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035);

+ Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 (nếu có);

+ Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

+ Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

- Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh.

- Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

- Quy định chuyển tiếp:

+ Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công hằng năm đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc tiếp tục thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân, điều chỉnh, thanh toán, quyết toán vốn thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan;

+ Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, tiếp tục thực hiện theo các quyết định đã được ban hành. Việc phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan.

1.9. Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh chi tiết theo dự án thành phần, danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 20/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh chi tiết theo dự án thành phần, danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: HĐND các xã, phường (sau đây gọi là cấp xã), các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quyết định phân bổ, điều chỉnh kế

hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nội dung phân cấp: phân cấp cho HĐND cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, chi tiết theo dự án thành phần, danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công của từng chương trình mục tiêu quốc gia trong phạm vi kế hoạch vốn đã được cấp có thẩm quyền giao cho cấp xã quản lý.

1.10. Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định về mức hỗ trợ đối với người dân phải sơ tán khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 20/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định mức hỗ trợ đối với người dân phải sơ tán khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: người dân phải sơ tán khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai theo Quyết định hoặc Lệnh sơ tán khẩn cấp của cấp có thẩm quyền; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ đối với người dân phải sơ tán khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng hỗ trợ: Người dân phải sơ tán khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai theo Quyết định hoặc Lệnh sơ tán khẩn cấp của cấp có thẩm quyền.

- Mức hỗ trợ: 200.000 đồng/người/ngày.

- Thời gian hỗ trợ: Là thời gian phải sơ tán khẩn cấp ra khỏi vùng nguy hiểm do thiên tai theo Quyết định hoặc Lệnh sơ tán của cấp có thẩm quyền, nhưng không quá 15 ngày cho mỗi đợt hỗ trợ sơ tán khẩn cấp.

+ Thời điểm bắt đầu tính hỗ trợ: Ngay khi có Quyết định hoặc Lệnh sơ tán khẩn cấp của cấp có thẩm quyền;

+ Thời điểm kết thúc hỗ trợ: Khi kết thúc tình huống khẩn cấp, cấp có thẩm quyền thông báo cho phép người dân trở về nơi ở cũ hoặc người dân đã được bố trí nơi ở tạm thời hoặc nơi ở mới an toàn.

- Trường hợp trong cùng một thời điểm, đối tượng thuộc diện được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng nội dung thì chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

1.11. Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 bãi bỏ Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng

mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 20/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

1.12. Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Đối tượng áp dụng: cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

+ Mức tối đa của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường: Ktt = 3;

+ Mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường: Ktt = 0,8.

1.13. Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026, bãi bỏ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm,

hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình 1322) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quy định cụ thể mức chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng.

- Quy định cụ thể mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế.

- Quy định cụ thể hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế.

- Quy định cụ thể mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322.

- Quy định cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

- Điều khoản chuyển tiếp: đối với các nhiệm vụ, nội dung hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã ký hợp đồng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt, hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt hoặc ký hợp đồng. Việc thanh toán, quyết toán đối với các nhiệm vụ này được thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt, hợp đồng đã ký và quy định pháp luật có liên quan.

1.14. Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 20/10/2026 quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; xử lý đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; xử lý đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được vay vốn từ nguồn

vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk;

+ Các đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND quy định một số đối tượng khác được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội với mức lãi suất thấp hơn và các đối tượng chính sách được HĐND tỉnh quy định;

+ Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk.

- Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn địa phương theo quy định tại Nghị quyết này sẽ được hỗ trợ giảm tương ứng như mức giảm lãi suất cho vay theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, giao UBND tỉnh xem xét, quyết định tùy theo từng trường hợp cụ thể và báo cáo kết quả xử lý rủi ro tại kỳ họp HĐND tỉnh gần nhất.

- Điều khoản chuyển tiếp:

+ Hợp đồng tín dụng đã ký trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng đã ký. Việc điều chỉnh lãi suất đối với dư nợ hiện hữu được thực hiện theo quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

+ Hồ sơ đề nghị vay vốn đã được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk tiếp nhận nhưng chưa ký hợp đồng tín dụng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng mức cho vay, thời hạn cho vay và lãi suất cho vay theo Nghị quyết này.

2. Quyết định của UBND tỉnh

2.1. Quyết định số 111/2026/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 14/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế phối hợp

quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, phương thức, trách nhiệm phối hợp quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 77 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 (Luật số 19/2023/QH15).

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành ở tỉnh; UBND các xã, phường; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh; các tổ chức hội, hiệp hội; tổ chức, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung phối hợp:

+ Phối hợp tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các quy định, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

+ Phối hợp trong trao đổi thông tin và báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hướng dẫn, hỗ trợ và nâng cao nhận thức về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương; thông tin, cảnh báo cho người tiêu dùng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

+ Phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; công tác tiếp nhận và giải quyết yêu cầu hỗ trợ thương lượng của người tiêu dùng; công tác tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng;

+ Phối hợp trong công tác hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực để thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật và công tác về quản lý hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức hòa giải về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

+ Phối hợp trong công tác tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh và công tác kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;

+ Phối hợp công bố, công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm quyền lợi người tiêu dùng.

- Định kỳ trước ngày 01/12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, tổ chức xã hội có tôn chỉ, mục đích tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hiệp hội, UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tổng hợp kết quả công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn được phân công, phụ trách, gửi Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2.2. Quyết định số 112/2026/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 sửa đổi Điều 9 của Quy chế về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; nâng lương vượt một bậc do được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 028/2025/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 05/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: sửa đổi Điều 9 của Quy chế về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; nâng lương vượt một bậc do được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 028/2025/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk như sau:

"Điều 9. Cấp độ thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và thời gian nâng bậc lương trước thời hạn

1. Xét nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đạt một trong các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng sau:

a) Huân chương các loại.

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: Anh hùng Lao động, Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc Ưu tú; Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú; Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú.

c) Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước.

d) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

đ) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

e) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

g) 02 Bằng khen của Thủ trưởng Bộ, ban, ngành, tỉnh có thành tích hoàn thành xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Xét nâng bậc lương trước thời hạn 09 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đạt một trong các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng sau:

a) Bằng khen của Thủ trưởng Bộ, ban, ngành, tỉnh có thành tích hoàn thành xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

b) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở hai năm liên tục.

3. Xét nâng bậc lương trước thời hạn 06 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đạt một trong các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng sau:

a) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

b) Giấy khen của người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền".

2.3. Quyết định số 113/2026/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 ban hành Quy chế thiết lập, quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 19/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng và vận hành Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy chế này quy định về việc thiết lập, quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia thiết lập, quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đắk Lắk; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động thiết lập, quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Đắk Lắk.

- Hệ thống thư điện tử công vụ bao gồm tập hợp hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ, phần mềm quản lý thư điện tử được thiết lập và vận hành trên hạ tầng kỹ thuật của đơn vị cung cấp dịch vụ có tên miền là @daklak.gov.vn và địa chỉ truy nhập trên Internet là https://mail.daklak.gov.vn.

- Cơ quan, đơn vị và cá nhân sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ để trao đổi văn bản, hồ sơ, tài liệu, thông tin về quản lý, điều hành, phối hợp công tác và những thông tin khác liên quan đến hoạt động thực thi công vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trường hợp có nhu cầu sử dụng khác, các cơ quan, đơn vị cần thiết lập, sử dụng hệ thống thư điện tử dùng riêng, tách biệt với Hệ thống thư điện tử công vụ nhưng vẫn phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

- Sở Khoa học và Công nghệ được giao quản lý thống nhất danh bạ thư điện tử công vụ, trực tiếp thực hiện cấp mới, thay đổi, cấp lại mật khẩu, thu hồi hộp thư điện tử công vụ.

- Cơ quan, đơn vị có yêu cầu cấp mới, thay đổi, cấp lại mật khẩu, thu hồi hộp thư điện tử công vụ gửi thông báo tới Sở Khoa học và Công nghệ bằng văn bản hoặc qua Hệ thống thư điện tử công vụ theo địa chỉ banquantri@daklak.gov.vn để được giải quyết theo quy định. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giải quyết yêu cầu của các cơ quan, đơn vị trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Tần suất kiểm tra hộp thư điện tử công vụ: người được giao quản lý, sử dụng hộp thư điện tử công vụ phải chủ động hàng ngày kiểm tra hộp thư điện tử công vụ để tiếp nhận thông tin gửi đến; thực hiện xem, xử lý hoặc chuyển tiếp trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được thư; đồng thời, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cơ quan, đơn vị nếu việc tiếp nhận thư đến chậm gây ảnh hưởng đến quá trình giải quyết công việc.

2.4. Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND ngày 08/10/2026 ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 18/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Nội dung chủ yếu: Định mức kinh tế - kỹ thuật này quy định định mức lao động, vật tư, thiết bị sử dụng trong thực hiện thống kê đất đai định kỳ hằng năm; kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ 5 năm và kiểm kê đất đai chuyên đề (kể cả kiểm kê chuyên đề thực hiện gắn với việc kiểm kê đất đai định kỳ) do UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thực hiện.

- Đối tượng áp dụng: cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường các cấp; công chức ở xã, phường và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Định mức này được sử dụng để tính đơn giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; làm căn cứ giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của tỉnh; các xã, phường (gọi chung là cấp xã).

Các công việc xây dựng dự án, nhiệm vụ, hội nghị triển khai tập huấn, công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, nghiệm thu, thông tin tuyên truyền về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; khai thác thông tin tài liệu, số liệu của các cấp thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

- Quy định cụ thể về định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê đất đai; định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; kiểm kê đất đai chuyên đề.

- Điều khoản chuyển tiếp: đối với nhiệm vụ, dự án, công trình về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau:

+ Đối với khối lượng công việc đã thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà công việc và sản phẩm đã được nghiệm thu cấp đơn vị thi công thì tiếp tục thực hiện theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt;

+ Đối với khối lượng công việc chưa thực hiện thì điều chỉnh theo quy định tại Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này.

2.5. Quyết định số 115/2026/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 ban hành Định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 09/10/2026, bãi bỏ Phần IV (Định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung (xi măng cốt liệu 4 lỗ 80x80x180mm) trong xây dựng công trình) thuộc Phần thứ nhất (Các định mức dự toán do UBND tỉnh công bố đã được rà soát) của Định mức dự toán đặc thù chuyên ngành dịch vụ công ích đô thị và xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định Định mức dự toán công tác xây tường bằng gạch không nung (xi măng cốt liệu 4 lỗ 80x80x180mm) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: chủ đầu tư, đơn vị hoạt động xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc lập dự toán chi phí xây dựng, xác định tổng mức đầu tư xây dựng của các dự án đầu tư công; dự án PPP; dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước và vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công.

- Nội dung định mức: mã hiệu, tên công tác, đơn vị tính, thành phần công việc, quy định áp dụng (nếu có) và các bảng hao phí định mức; trong đó: Thành phần công việc quy định nội dung các bước công việc từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành công tác theo điều kiện kỹ thuật, biện pháp thi công và phạm vi thực hiện công việc.

Bảng các hao phí gồm:

Mức hao phí vật liệu: là số lượng vật liệu chính, vật liệu khác cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác. Mức hao phí vật liệu chính được tính bằng số lượng phù hợp với đơn vị tính của vật liệu; mức hao phí vật liệu khác được tính bằng tỷ lệ (%) trên chi phí vật liệu chính.

Mức hao phí lao động: là số công của nhân công theo nhóm cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác theo yêu cầu kỹ thuật.

Mức hao phí máy thi công: là số ca sử dụng máy thi công trực tiếp thi công, máy khác (nếu có) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác. Mức hao phí máy thi công trực tiếp thi công được tính bằng số lượng ca máy sử dụng. Mức hao phí máy khác được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí máy thi công trực tiếp thi công.

- Quy định chuyển tiếp:

+ Dự toán xây dựng đã được phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không phải phê duyệt lại, các hoạt động quản lý chi phí đầu tư xây dựng tiếp theo chưa được thực hiện thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 206/2026/NĐ-CP quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

+ Các gói thầu đã ký kết hợp đồng, thực hiện theo quy định của hợp đồng đã ký và quy định pháp luật về hợp đồng xây dựng. Dự án PPP đã ký kết hợp đồng dự án thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án PPP và quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2.6. Quyết định số 116/2026/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 21/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh.

b) Nội dung chủ yếu: quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức, trách nhiệm phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 Nghị định số 137/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nội dung phối hợp:

+ Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

+ Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin, báo cáo giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý kinh doanh theo phương thức đa cấp;

+ Phối hợp giải quyết, xử lý kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý kinh doanh theo phương thức đa cấp;

+ Phối hợp tham mưu, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về kinh doanh theo phương thức đa cấp; đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

+ Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và kỹ năng nhận diện mô hình đa cấp bất chính; tư vấn, hỗ trợ người dân chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi lừa đảo dưới hình thức kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Trách nhiệm chung:

+ Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các quy định của pháp luật liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách;

+ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan đầu mối (Sở Công Thương) và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan trong công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát xử lý việc thực hiện quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

+ Quán triệt, phổ biến Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn và quy định pháp luật hiện hành về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

+ Tiếp nhận và giải quyết đơn thư tố cáo, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân có nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo thẩm quyền;

+ Chủ động cập nhật thông tin, đăng tải công khai đầy đủ, kịp thời kết quả xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2.7. Quyết định số 117/2026/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 ban hành Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 20/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành thiết kế mẫu, dự toán và hướng dẫn kỹ thuật thi công mặt đường bê tông xi măng.

b) Nội dung chủ yếu: quy định tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030 được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ngành; UBND cấp xã được giao quản lý hoặc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030; các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

- Nguyên tắc lựa chọn thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có:

+ Phù hợp mục tiêu đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia;

+ Phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với dự án đầu tư xây dựng ở các khu vực không thuộc trường hợp phải lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch chi tiết ngành theo pháp luật về quy hoạch phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án tuyến công trình, vị trí công trình, mặt bằng tổng thể của dự án);

+ Phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, khí hậu, hiện trạng khu vực xây dựng và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương;

+ Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được lựa chọn áp dụng, quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật chuyên ngành có liên quan;

+ Bảo đảm tính khả thi về kỹ thuật; an toàn công trình; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật;

+ Thuận lợi cho công tác quản lý, khai thác, vận hành và bảo trì công trình;

+ Khai thác hiệu quả hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có; sử dụng hợp lý nguồn lực, tài nguyên tại khu vực.

- Tiêu chí chung:

+ Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, cải tạo, sửa chữa công trình thuộc Danh mục loại dự án đặc thù;

+ Bảo đảm khả năng tiếp cận các công trình công cộng của người dân, người khuyết tật theo quy định của pháp luật;

+ Phù hợp với quy mô dân số, đáp ứng nhu cầu và điều kiện phát triển thực tế của từng địa phương.

2.8. Quyết định số 118/2026/QĐ-UBND ngày 12/10/2026 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà văn hóa cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 23/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà văn hóa cộng đồng.

b) Nội dung chủ yếu: quy chế này quy định về vị trí, chức năng, tổ chức quản lý, hoạt động, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí, quản lý, sử dụng, kiểm tra và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Nhà văn hóa cộng đồng được xây dựng tại các thôn, buôn đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi chung là Nhà văn hóa cộng đồng). Quy chế này không áp dụng đối với Nhà văn hóa - Khu thể thao của tổ dân phố (khu phố, khối phố, khu dân cư ở đô thị); Nhà văn hóa - Khu thể thao của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở xã hội hóa khác trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đóng trên địa bàn thôn, buôn.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, khai thác, sử dụng Nhà văn hóa cộng đồng; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, khai thác và sử dụng Nhà văn hóa cộng đồng.

- Tên gọi: Nhà văn hóa cộng đồng buôn, Nhà văn hóa thôn, Hội trường thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được gọi là Nhà văn hóa cộng đồng buôn + tên buôn, Nhà văn hóa thôn + tên thôn, Hội trường thôn + tên thôn.

- Vị trí: Nhà văn hóa cộng đồng là thiết chế văn hóa cơ sở; UBND cấp xã quyết định thành lập, lãnh đạo toàn diện; Trưởng thôn, buôn trực tiếp quản lý; Phòng Văn hóa - Xã hội hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã hỗ trợ tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

- Chức năng:

+ Nơi tập hợp đồng bào thôn, buôn để tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giáo dục truyền thống, tư tưởng, đạo đức, lối sống, xây dựng đời sống văn hóa; phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật và các nội dung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức, hướng dẫn các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa và rèn luyện sức khỏe của Nhân dân;

+ Là nơi tổ chức hội họp, sinh hoạt cộng đồng; sinh hoạt của tổ chức Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, học tập, vui chơi, giải trí và các hoạt động cộng đồng khác; góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, thực hiện các tiêu chí về văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

2.9. Quyết định số 119/2026/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 bãi bỏ Quyết định số 008/2025/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 15/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 008/2025/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.

2.10. Quyết định số 120/2026/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 bãi bỏ Quyết định số 010/2025/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 15/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 010/2025/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.

2.11. Quyết định số 121/2026/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 bãi bỏ Quyết định số 003/2025/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 15/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 003/2025/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.

2.12. Quyết định số 122/2026/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 quy định trình tự chi tiết hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư trong tình huống khẩn cấp về thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 26/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy định trình tự chi tiết hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư trong tình huống khẩn cấp về thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định cụ thể về trình tự chi tiết hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư khu vực ảnh hưởng do thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khi có quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp; các cơ quan, tổ chức,

hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư trong tình huống khẩn cấp về thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã huy động lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và các lực lượng tại chỗ rà soát, xác định số hộ cần di dời khẩn cấp. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã tổng hợp về số hộ cần di dời khẩn cấp và nhu cầu hỗ trợ di dời, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã.

- Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh tổng hợp nội dung đề xuất của Chủ tịch UBND cấp xã; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các đơn vị có liên quan báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh về phương án hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư do ảnh hưởng thiên tai.

- Kinh phí thực hiện hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư: ngân sách nhà nước; Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh; Quỹ Phòng, chống thiên tai; nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác.

- Các nội dung có liên quan đến hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư trong tình huống khẩn cấp về thiên tai không được quy định trong Quyết định này, được thực hiện theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 200/2025/NĐ-CP, Nghị định số 53/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2.13. Quyết định số 123/2026/QĐ-UBND ngày 16/10/2026 quy định về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 31/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 77/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Phú Yên quy định về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Nội dung chủ yếu: quy định thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định của khoản 2 Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

- Đối tượng áp dụng:

+ Tổ chức, cá nhân sử dụng xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Sở Xây dựng, UBND xã, phường, Công an tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức, thực hiện và kiểm tra, xử lý hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia vận chuyển hành khách, xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia vận chuyển hàng hóa được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn tỉnh Đắk Lắk có đặt biển báo theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, trừ các tuyến đường, khu vự c cấm hoặc hạn chế hoạt động theo quy định của pháp luật và hệ thống biển báo hiệu đường bộ hiện hành.

- Hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được phép hoạt động toàn bộ thời gian trong ngày nhưng phải tuân thủ biển báo hạn chế thời gian hoạt động của xe bốn bánh có gắn động cơ trên từng đoạn đường, tuyến đường.

- Quy định này không áp dụng đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ quy định tại khoản 6 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Quy định này không áp dụng đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ thuộc xe ưu tiên theo quy định tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2.14. Quyết định số 124/2026/QĐ-UBND ngày 20/10/2026 ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác và trường hợp phải cắm mốc chỉ giới, khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2026, bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau: Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác và cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Nội dung chủ yếu:

- Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác theo quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, gồm:

+ Đập dâng;

+ Tràn xả lũ;

+ Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 2 m^3/s và công trình trên kênh;

+ Đường ống dẫn nước;

+ Bờ bao thủy lợi;

+ Kè bảo vệ bờ sông, bờ biển;

+ Trạm bơm.

- Quy định các trường hợp phải cắm mốc chỉ giới, khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại khoản 5 Điều 20 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT, gồm:

+ Đập của hồ chứa nước có dung tích dưới 500.000 m^3 hoặc đập có chiều cao dưới 10m;

+ Lòng hồ chứa nước có dung tích dưới 500.000 m^3;

+ Trạm bơm;

+ Kênh và đường ống dẫn nước có lưu lượng nhỏ hơn 5 m^3/s hoặc chiều rộng đáy kênh từ 5m trở xuống.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có các hoạt động liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.15. Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND ngày 20/10/2026 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 31/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định các nội dung về quản lý, vận hành và khai thác Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là LGSP Tỉnh).

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được giao thực hiện nhiệm vụ quản trị, nhập số liệu, thu thập, xử lý, phân tích, ký duyệt (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, cá nhân).

- LGSP Tỉnh: là Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Đắk Lắk chứa các dịch vụ dùng chung để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi của tỉnh, đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin trong nội bộ của tỉnh với các hệ thống bên ngoài; mô hình kết nối của LGSP Tỉnh phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc số của tỉnh.

- Dữ liệu được chia sẻ qua LGSP Tỉnh có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy trong các giao dịch hành chính công và dịch vụ công trực tuyến và phải đáp ứng các yêu cầu về tính toàn vẹn, bảo mật và an toàn thông tin theo Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.

- Mỗi cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng kết nối vào LGSP Tỉnh sẽ được cấp mã định danh thống nhất theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg, Quyết định số 1425/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tích hợp với VDXP để xác thực, và được phân quyền sử dụng các dịch vụ trên LGSP Tỉnh theo đúng quy định. Các ứng dụng kết nối phải tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP và Quyết định số 436/QĐ-UBND về việc ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với cơ quan, đơn vị khi có thay đổi về cơ cấu tổ chức (đổi tên, tách, nhập, giải thể), gửi văn bản đề nghị cấp mới, điều chỉnh hoặc bổ sung mã định danh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh cấp mới, điều chỉnh hoặc bổ sung mã định danh. Mã định danh được đồng bộ hóa với danh mục dùng chung quốc gia và NDXP. Kết quả xử lý được thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị kết nối vào LGSP Tỉnh phải sử dụng cơ chế đăng nhập SSO tích hợp với VDXP để kiểm soát truy cập, đồng thời triển khai các biện pháp giám sát an toàn thông tin liên tục, đảm bảo tuân thủ an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo quy định pháp luật.

2.16. Quyết định số 126/2026/QĐ-UBND ngày 21/10/2026 ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý, lưu trữ, khai thác và chia sẻ văn bản điện tử thông qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 02/11/2026, bãi bỏ một số Quyết định của UBND tỉnh, bao gồm: Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định quản lý, sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày

22/11/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định việc tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý, lưu trữ, khai thác và chia sẻ văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk thông qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: quy chế này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức đó (sau đây gọi chung là cá nhân).

Các cơ quan, tổ chức khác không thuộc khoản 1 Điều này, nếu có nhu cầu gửi, nhận văn bản điện tử với các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn thông tin thì được tham gia Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của tỉnh và thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

- Nguyên tắc gửi, nhận văn bản điện tử:

+ Tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư và Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

+ Tất cả các văn bản điện tử thuộc thẩm quyền ban hành và giải quyết của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước phải được gửi, nhận qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg;

+ Bên nhận có quyền từ chối nhận văn bản điện tử, nếu văn bản điện tử đó không bảo đảm các nguyên tắc, yêu cầu về gửi, nhận và phải chịu trách nhiệm về việc từ chối đó, đồng thời Bên nhận phản hồi cho Bên gửi được biết thông qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử;

+ Việc gửi, nhận văn bản điện tử phải thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15 và tuân theo các quy định khác của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin và văn thư, lưu trữ.

- Lập hồ sơ công việc:

+ Việc lập hồ sơ công việc được thực hiện theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP;

+ Trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc, các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm lập hồ sơ công việc trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử, bảo đảm: tập hợp đầy đủ các văn bản, tài liệu có liên quan đến quá trình giải quyết công việc; hồ sơ phản ánh đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; các văn bản, tài liệu trong hồ sơ có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, phản ánh đầy đủ diễn biến của quá trình giải quyết công việc; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của thông tin và thuận tiện cho việc tra cứu, khai thác; hồ sơ công việc được lập, cập nhật và quản lý trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong suốt quá trình xử lý công việc;

+ Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm: tổ chức, chỉ đạo việc lập hồ sơ công việc của đơn vị; kiểm tra, đôn đốc việc lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ vào Lưu trữ cơ quan theo quy định;

+ Cá nhân được giao giải quyết công việc có trách nhiệm: lập hồ sơ đối với công việc được giao; chịu trách nhiệm về số lượng, thành phần và nội dung tài liệu trong hồ sơ; thực hiện nộp lưu hồ sơ vào Lưu trữ cơ quan theo quy định.

2.17. Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND ngày 22/10/2026 quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 02/11/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15. Quyết định này chỉ áp dụng khi thực hiện cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị hiện hữu, không áp dụng đối với các khu vực đô thị được quy hoạch, đầu tư xây dựng mới.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quy định cụ thể về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy:

+ Đối với khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông phục vụ chữa cháy;

+ Đối với khu vực đô thị không bảo đảm nguồn nước phục vụ chữa cháy.

2.18. Quyết định số 128/2026/QĐ-UBND ngày 23/10/2026 ban hành Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 02/11/2026, bãi bỏ các Quyết định, gồm: Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc ban hành Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, ban hành kèm theo Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010.

b) Nội dung chủ yếu: quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác tuyên truyền, phòng ngừa vi phạm pháp luật và trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ phát hiện, đấu tranh, phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Công Thương, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Đắk Lắk, UBND các xã, phường, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nội dung phối hợp: các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp trong công tác phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, bao gồm:

+ Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động phạm tội và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

+ Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

+ Cung cấp, trao đổi thông tin phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

+ Phối hợp trong công tác phòng, chống tội phạm và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

+ Các nội dung phối hợp khác có liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

- Quy trình phối hợp:

+ Khi các cơ quan, đơn vị, địa phương phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin cần phải báo ngay đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

+ Theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân và các tổ chức về các biện pháp phòng chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong việc phát hiện và xử lý các hành vi tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao; tăng cường đầu tư và phát triển các công cụ, giải pháp công nghệ nhằm nâng cao khả năng phát hiện và phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

2.19. Quyết định số 129/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 ban hành Quy chế phối hợp thu thập, kết nối, chia sẻ, xử lý và phân tích dữ liệu thông qua Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 05/11/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định nguyên tắc và trách nhiệm phối hợp giữa Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Dak Lak IOC) với các sở, ban, ngành; các cơ quan, tổ chức; UBND cấp xã trong việc thu thập, kết nối, chia sẻ, xử lý và phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương thông qua Dak Lak IOC.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND cấp xã; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia phối hợp thu thập, kết nối, chia sẻ, xử lý và phân tích dữ liệu thông qua Dak Lak IOC.

- Dak Lak IOC: Tên viết tắt của Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk; thực hiện nhiệm vụ quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin tích hợp, kết nối, thu thập, tổng hợp, phân tích, hiển thị và chia sẻ thông tin, dữ liệu từ các hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và các nguồn dữ liệu hợp pháp theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; cung cấp thông tin,

báo cáo, cảnh báo và kết quả phân tích dữ liệu phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành và quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ quản đối với hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Dak Lak IOC: UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Cơ quan được giao quản lý hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Dak Lak IOC: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Trách nhiệm chung của các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia phối hợp:

+ Cập nhật, kết nối, chia sẻ đầy đủ, kịp thời các dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo danh mục các dịch vụ Giám sát, điều hành đô thị thông minh quy định tại khoản 4 Điều 3 của Quy chế này và các danh mục dữ liệu phát sinh theo yêu cầu của UBND tỉnh hoặc cơ quan được giao quản lý, vận hành Dak Lak IOC; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin, dữ liệu do đơn vị cung cấp;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; bảo đảm các hệ thống thông tin, phần mềm và dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được tích hợp, kết nối, chia sẻ với hệ thống Dak Lak IOC theo đúng quy định về tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và cấu trúc dữ liệu trao đổi; chủ động bố trí, duy trì hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền, thiết bị đầu cuối và các điều kiện kỹ thuật cần thiết để bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác và vận hành các dịch vụ Giám sát, điều hành đô thị thông minh được thông suốt, an toàn và ổn định;

+ Mỗi cơ quan, đơn vị xử lý phân công một (01) lãnh đạo và ít nhất một (01) nhân sự làm đầu mối tiếp nhận, phân loại, xử lý và trả kết quả đối với các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, bảo đảm quy định rõ ràng từng bước từ tiếp nhận đến phản hồi kết quả; thực hiện các biện pháp bảo vệ danh tính và thông tin của người dân, doanh nghiệp trong suốt quá trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (trong trường hợp có biến động nhân sự, trong vòng 07 ngày làm việc phải có văn bản kiện toàn, điều chỉnh, bổ sung); đồng thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) và cung cấp thông tin cho Dak Lak IOC để phục vụ theo dõi và giám sát;

+ Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để kịp thời xử lý, khắc phục các vấn đề phát sinh theo chức năng nhiệm vụ được giao;

+ Khi tiếp nhận thông tin từ Dak Lak IOC thuộc phạm vi xử lý được phân công, có trách nhiệm kịp thời tổ chức xử lý; thường xuyên cập nhật tình trạng xử lý về Dak Lak IOC để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định;

+ Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị cung cấp dịch vụ Giám sát, điều hành đô thị thông minh để xây dựng, ban hành quy trình xử lý thông tin đối với các dịch vụ Giám sát, điều hành đô thị thông minh do đơn vị phụ trách; bảo đảm sự thống nhất về tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và cơ chế phối hợp trong tiếp nhận, xử lý, phản hồi và lưu trữ dữ liệu;

+ Trực tiếp trao đổi, làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ và Dak Lak IOC để phản ánh, làm rõ các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai và thực hiện các nhiệm vụ được giao; bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và kịp thời đề xuất phương án xử lý, khắc phục;

+ Phối hợp với Dak Lak IOC trong triển khai các nội dung: đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các dịch vụ Giám sát, điều hành đô thị thông minh; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao theo quy định; tổ chức thông tin, tuyên truyền về các dịch vụ Giám sát, điều hành đô thị thông minh thuộc phạm vi được phân công phụ trách; bảo đảm nội dung chính xác, kịp thời, dễ tiếp cận; kịp thời khắc phục các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai; báo cáo cấp có thẩm quyền và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để xử lý dứt điểm.

+ Tổ chức khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với công tác tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị; bảo đảm thu thập thông tin đầy đủ, khách quan, phản ánh đúng thực trạng chất lượng phục vụ và làm cơ sở cho việc cải thiện, nâng cao hiệu quả phục vụ.

+ Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Dak Lak IOC trong việc rà soát, đối chiếu số liệu và cung cấp thông tin phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo chế độ báo cáo hoặc khi có yêu cầu.

2.20. Quyết định số 130/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 05/11/2026, bãi bỏ Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành

kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ và các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối tượng áp dụng: tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; các cơ quan nhà nước, cơ sở xét công nhận sáng kiến, Hội đồng sáng kiến và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Sáng kiến được công nhận nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Có tính mới trong phạm vi một cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

+ Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực (hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả trong thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ) theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

+ Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

- Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

2.21. Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 27/10/2026 quy định số lượng Đội dân phòng và số lượng thành viên Đội dân phòng tại thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 06/11/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về số lượng Đội dân phòng và số lượng thành viên Đội dân phòng tại thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15.

- Đối tượng áp dụng: lực lượng dân phòng ở thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Công an tỉnh; Công an các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Số lượng Đội dân phòng; số lượng thành viên Đội dân phòng:

+ Số lượng Đội dân phòng: tổng cộng 1.546 đội tại 1.546 thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

+ Số lượng thành viên Đội dân phòng: tổng cộng 19.442 thành viên, quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2.22. Quyết định số 132/2026/QĐ-UBND ngày 27/10/2026 phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng hợp đồng ký kết trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 27/10/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng hợp đồng ký kết thực hiện các loại công việc thuộc danh mục vị trí việc làm viên chức bao gồm công việc thực hiện nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ; công việc thực hiện nhiệm vụ của vị trí việc làm hỗ trợ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng hợp đồng ký kết thực hiện các loại công việc thuộc danh mục vị trí việc làm viên chức bao gồm công việc thực hiện nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ; công việc thực hiện nhiệm vụ của vị trí việc làm hỗ trợ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% trên địa bàn tỉnh như sau:

+ Phân cấp cho tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh quyết định số lượng hợp đồng ký kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% thuộc tổ chức mình;

+ Phân cấp cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quyết định số lượng hợp đồng ký kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% thuộc cơ quan mình; quyết định số lượng hợp đồng ký kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc cơ quan mình;

+ Phân cấp cho UBND cấp xã quyết định số lượng hợp đồng ký kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% thuộc UBND cấp xã;

+ Phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% quyết định số lượng hợp đồng được ký kết tại đơn vị mình;

+ Phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh quyết định số lượng hợp đồng ký kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên dưới 70% thuộc đơn vị mình.

2.23. Quyết định số 133/2026/QĐ-UBND ngày 28/10/2026 ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/11/2026, bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Nội dung chủ yếu: quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Quy định này không điều chỉnh đối với: chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước; chế độ báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề và các báo cáo khác thực hiện theo yêu cầu, lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền; chế độ báo cáo định kỳ do cơ quan nhà nước ở Trung ương quy định.

- Đối tượng áp dụng: cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của UBND tỉnh; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Yêu cầu đối với việc ban hành chế độ báo cáo: việc ban hành chế độ báo cáo định kỳ đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 11 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, phù hợp với yêu cầu quản lý, công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

- Các sở, ban, ngành có trách nhiệm tham mưu, xây dựng danh mục báo cáo định kỳ thuộc chức năng quản lý theo ngành, lĩnh vực tại các văn bản quy phạm pháp luật do mình tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành lần đầu chậm nhất 15 ngày làm việc tính từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực. Danh mục báo cáo định kỳ phải được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi. Thời hạn công bố chậm nhất là sau 15 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định chế độ báo cáo có hiệu lực thi hành.

Nội dung công bố gồm: tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo.

- Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk:

+ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk là hệ thống thông tin hỗ trợ cập nhật, thu thập, tổng hợp, phân tích, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và đáp ứng yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;

+ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk được truy cập tại địa chỉ: https://baocao.daklak.gov.vn. Việc quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 77/2026/QĐ-UBND.

2.24. Quyết định số 134/2026/QĐ-UBND ngày 29/10/2026 quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 09/11/2026, bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân liên quan đến phạm vi hoạt động, sử dụng của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định này không áp dụng đối với xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ của Quân đội, Công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; xe làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chở người bị nạn đi cấp cứu, đưa người ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

- Xe thô sơ được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ; trừ đường cao tốc, các tuyến đường có biển báo cấm hoặc hạn chế hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 50 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông, trừ các tuyến đường, khu vực cấm hoặc hạn chế hoạt động đối với xe bốn bánh có gắn động cơ theo quy định pháp luật.

- Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 30 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông; tuyến đường bộ bố trí tách riêng phần đường, làn đường dành riêng cho phương tiện tham gia giao thông này mà phần đường, làn đường đó không tổ chức giao thông cho các phương tiện không cùng tốc độ tối đa với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; các tuyến đường nội bộ quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật Đường bộ. Phạm vi hoạt động đối với các trường hợp khác do UBND tỉnh quyết định theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Việc hoạt động phải tuân thủ các quy định về cấm hoặc hạn chế hoạt động trên từng tuyến đường, khu vực theo quy định của pháp luật.

2.25. Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND ngày 30/10/2026 quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 09/11/2026, bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15. Quyết định này không áp dụng đối với xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời được điều động làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh hoặc làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; tổ chức, cá nhân tổ chức vận hành, sử dụng xe vệ sinh môi trường và xe ô tô chở vật liệu xây dựng, xe ô tô chở phế thải rời trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của xe vệ sinh môi trường; xe ô tô chở vật liệu xây dựng; xe ô tô chở phế thải rời trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Xe vệ sinh môi trường được phép hoạt động trên các tuyến đường bộ trong đô thị trong khoảng thời gian:

+ Ban ngày: từ 08 giờ 00 phút đến 10 giờ 30 phút và từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút;

+ Ban đêm: từ 19 giờ 00 phút đến 06 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau.

- Xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời được phép hoạt động 24/24 giờ hàng ngày trên các tuyến đường bộ trong đô thị.

2.26. Quyết định số 136/2026/QĐ-UBND ngày 31/10/2026 ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/11/2026, bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế hoạt động của công chức đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 60/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy chế phối hợp tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, bao gồm: kiểm soát quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; công bố, công khai thủ tục hành chính và quy trình nội bộ; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính; thông tin, báo cáo, kiểm tra và kinh phí thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu kinh tế và các khu công nghiệp Đắk Lắk (gọi chung là các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh); UBND các xã, phường; cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh khi thực hiện hoặc phối hợp thực hiện thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; cán bộ, công chức được phân công làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trực tiếp tham mưu, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo nhiệm vụ được giao; tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính, gửi phản ánh, kiến nghị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Nguyên tắc thực hiện:

+ Kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện ngay từ khi đề xuất chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và được tiến hành thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính;

+ Kiểm soát thủ tục hành chính phải bảo đảm thực hiện có hiệu quả mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, cải cách hành chính; bảo đảm sự tham gia của cá nhân, tổ chức và các bên có liên quan trong quá trình xây dựng, thực hiện và đánh giá thủ tục hành chính. Kịp thời phát hiện để bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính không phù hợp, phức tạp, phiền hà; bảo đảm các thủ tục hành chính được ban

hành đúng quy định, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của đối tượng thực hiện và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính;

+ Phân định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn và kết quả đầu ra; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên được giao nhiệm vụ;

+ Kiểm soát thủ tục hành chính phải gắn với chuyển đổi số và quản trị dữ liệu, bảo đảm khai thác, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu trong toàn bộ quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Quy định cụ thể về kiểm soát quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; công bố, công khai thủ tục hành chính và quy trình nội bộ; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính; chế độ báo cáo, kiểm tra và kinh phí.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Cục PBGDPL và TGPL;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh;
- Lưu: VT, NV3.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH ĐẮK LẮK

Lê Thị Thanh Thủy